



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính Hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Doanh nghiệp

Giấy chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuần	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 79 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 6 đến trang 78.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận ngoại trừ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú, một công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 412.359 triệu VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 311.904 triệu VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty TNHH Coats Phong Phú là 100.455 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 154.686 triệu VND), đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như không được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này nên không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 cũng như phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH Coats Phong Phú và các thông tin so sánh có liên quan. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần điều chỉnh các số liệu này hay không nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và chứng từ kế toán của Công ty TNHH Coats Phong Phú cũng như được trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết. Báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 và báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng đưa ra kết luận và ý kiến ngoại trừ liên quan đến vấn đề này.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới:

- thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng một số chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán trong việc lập báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ và Bộ Tài chính tại Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017. Các chính sách kế toán này vẫn tiếp tục có ảnh hưởng đến việc lập báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và có một số khác biệt so với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ như được nêu cụ thể tại Thuyết minh 2(a), 3(b) và 3(d)(iv).

- thuyết minh 27(a) của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong năm 2015, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam ("Công văn 17623"), Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần và ghi nhận khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp tương ứng với phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị sổ sách của khoản phải nộp là 363.057 triệu VND (1/1/2017: 364.061 triệu VND). Cũng theo Công văn số 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp số tiền nói trên về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

Kết luận ngoại trừ của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-144-SX-HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29-08-2017

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		9.606.126.330.292	9.232.272.849.491
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	1.680.609.026.474	1.496.458.060.972
Tiền	111		386.668.871.705	432.381.528.676
Các khoản tương đương tiền	112		1.293.940.154.769	1.064.076.532.296
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		829.881.784.529	952.742.245.703
Chứng khoán kinh doanh	121	10(a)	74.767.938.000	74.767.938.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	10(b)	755.113.846.529	877.974.307.703
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.140.484.085.775	3.214.916.530.328
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	11	2.326.722.557.890	2.233.797.278.820
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		527.497.236.338	438.017.367.291
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12	175.127.442.156	178.039.342.156
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	529.335.234.865	736.642.535.818
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(420.462.612.002)	(372.376.455.800)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		2.264.226.528	796.462.043
Hàng tồn kho	140	15	3.552.046.481.074	3.206.970.570.062
Hàng tồn kho	141		3.631.616.712.288	3.286.587.250.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(79.570.231.214)	(79.616.680.378)
Tài sản ngắn hạn khác	150		403.104.952.440	361.185.442.426
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	21(a)	37.754.736.900	22.951.998.731
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		349.441.157.652	303.657.389.304
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25(a)	15.153.916.546	34.533.164.391
Tài sản ngắn hạn khác	155		755.141.342	42.890.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		11.182.641.035.412	10.562.150.445.970
Các khoản phải thu dài hạn	210		816.265.393.810	816.148.711.068
Phải thu về cho vay dài hạn	215		8.241.900.000	8.779.800.000
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	927.346.088.606	926.691.505.864
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(119.322.594.796)	(119.322.594.796)
Tài sản cố định	220		6.382.655.003.186	5.920.080.043.826
Tài sản cố định hữu hình	221	16	6.217.571.670.474	5.717.940.489.530
<i>Nguyên giá</i>	222		11.795.068.812.362	11.057.270.172.417
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.577.497.141.888)	(5.339.329.682.887)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	31.782.550.718	66.701.591.216
<i>Nguyên giá</i>	225		50.777.322.491	92.266.466.013
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(18.994.771.773)	(25.564.874.797)
Tài sản cố định vô hình	227	18	133.300.781.994	135.437.963.080
<i>Nguyên giá</i>	228		163.542.216.367	163.437.173.507
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(30.241.434.373)	(27.999.210.427)
Bất động sản đầu tư	230	19	126.666.127.304	101.577.232.243
<i>Nguyên giá</i>	231		152.576.895.456	125.681.566.539
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(25.910.768.152)	(24.104.334.296)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.094.084.424.743	1.132.142.569.223
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	20	1.094.084.424.743	1.132.142.569.223
Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.256.563.122.772	2.078.912.289.673
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	10(c)	2.033.844.542.566	1.850.568.941.017
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	10(c)	242.271.852.809	243.768.742.829
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	10(c)	(20.458.272.603)	(15.430.394.173)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	10(b)	905.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		506.406.963.597	513.289.599.937
Chi phí trả trước dài hạn	261	21(b)	475.905.235.059	474.443.631.662
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	8.023.026.799	7.707.701.095
Tài sản dài hạn khác	268		581.358.933	581.358.933
Lợi thế thương mại	269	23	21.897.342.806	30.556.908.247
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		20.788.767.365.704	19.794.423.295.461

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.337.599.576.738	12.199.952.761.421
Nợ ngắn hạn	310		7.685.858.477.862	6.882.415.310.550
Phải trả người bán ngắn hạn	311	24	1.181.296.745.657	1.271.169.240.648
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		93.279.502.622	88.424.737.403
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25(b)	71.994.749.023	93.848.959.150
Phải trả người lao động	314		285.279.261.133	486.933.807.748
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26(a)	173.851.520.544	175.649.205.078
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		6.015.842.435	818.362.962
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	862.698.645.532	604.454.028.623
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	29(a)	4.831.293.169.893	4.021.595.561.126
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	31	180.149.041.023	139.521.407.812
Nợ dài hạn	330		5.651.741.098.876	5.317.537.450.871
Phải trả người bán dài hạn	331	24	15.682.008.795	15.920.738.161
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		21.666.686.310	22.844.764.105
Chi phí phải trả dài hạn	333	26(b)	25.614.144.000	26.562.816.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	28	168.429.329.980	140.636.004.076
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	134.655.265.606	138.799.092.807
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29(b)	5.112.692.117.748	4.818.025.937.605
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	79.010.594.540	64.896.986.719
Dự phòng phải trả dài hạn	342	30	93.845.791.916	89.675.918.318
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		145.159.981	175.193.080

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	32	7.451.167.788.966	7.594.470.534.040
Vốn chủ sở hữu	410		7.416.685.832.991	7.559.178.352.429
Vốn cổ phần	411	33	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	29.911.650.892
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	42.248.630.739
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(742.835.089.736)	(742.835.089.736)
Quỹ đầu tư phát triển	418	35	500.324.181.232	457.818.876.459
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		11.033.326.792	10.981.645.059
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		370.815.002.767	555.190.797.152
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		210.140.243.167	230.356.822.217
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		160.674.759.600	324.833.974.935
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	36	553.347.153.820	553.877.792.360
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.651.840.976.485	1.651.984.049.504
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		34.481.955.975	35.292.181.611
Nguồn kinh phí	431		1.038.490.443	553.206.786
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		33.443.465.532	34.738.974.825
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.788.767.365.704	19.794.423.295.461

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Lê Tiến Trường
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	38	8.291.615.329.546	7.123.502.633.192
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	38	11.235.669.489	11.603.969.319
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.280.379.660.057	7.111.898.663.873
Giá vốn hàng bán	11	39	7.435.123.889.904	6.287.969.761.952
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		845.255.770.153	823.928.901.921
Doanh thu hoạt động tài chính	21	40	107.243.597.465	149.482.774.078
Chi phí tài chính	22	41	207.766.149.964	267.006.923.751
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>178.699.657.976</i>	<i>175.604.847.256</i>
Phần lãi trong công ty liên kết	24		285.962.076.697	257.162.263.078
Chi phí bán hàng	25	42	248.692.364.192	221.607.885.527
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	43	427.623.499.349	431.760.480.647
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		354.379.430.810	310.198.649.152
Thu nhập khác	31	44	30.906.844.399	32.655.077.251
Chi phí khác	32	45	40.049.965.865	14.670.826.036
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(9.143.121.466)	17.984.251.215
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		345.236.309.344	328.182.900.367
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	47	28.000.355.368	25.062.448.985
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	47	13.798.282.117	41.468.886
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		303.437.671.859	303.078.982.496

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 02a – DN/HN**
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		303.437.671.859	303.078.982.496
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		160.674.759.600	157.498.096.453
Cổ đông không kiểm soát	62		142.762.912.259	145.580.886.043
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	48	321	315

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:

Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân
Kế toán trưởngLê Tiến Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		345.236.309.344	328.182.900.367
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		351.974.664.831	317.317.640.910
Các khoản dự phòng	03		58.275.181.344	47.332.244.679
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		1.658.983.550	(8.461.107.119)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(356.307.257.378)	(312.555.353.484)
Chi phí lãi vay	06		178.699.657.976	175.604.847.256
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		579.537.539.667	547.421.172.609
Biến động các khoản phải thu	09		(161.174.594.672)	(184.473.168.950)
Biến động hàng tồn kho	10		(346.058.113.026)	(24.095.886.341)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(205.541.450.527)	(17.865.142.456)
Biến động chi phí trả trước	12		5.134.044.329	(48.651.461.903)
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		-	60.000.000
			(128.102.574.229)	272.395.512.959
Tiền lãi vay đã trả	14		(200.140.433.191)	(146.317.109.605)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(44.164.570.179)	(28.236.419.898)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		401.000.000	59.173.678.311
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(44.791.609.903)	(42.158.525.420)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(416.798.187.502)	114.857.136.347

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(865.731.890.875)	(1.200.389.548.036)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		8.911.862.599	18.745.211.932
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(107.147.070.579)	(96.309.474.786)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		232.557.331.753	161.838.473.641
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.709.416.128)	(3.240.057.130)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		3.021.590.040	81.511.353.865
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		335.700.035.790	356.191.895.087
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong kỳ			-	1.653.135.656
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(396.397.557.400)	(679.999.009.771)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31	21.126.046.343	27.471.554.000
	Tiền thu từ đi vay	33	8.179.800.066.395	8.253.687.272.772
	Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.091.062.451.587)	(7.618.604.032.812)
	Tiền trả cổ tức	36	(113.052.304.490)	(122.907.092.422)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	996.811.356.661	539.647.701.538
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	183.615.611.759	(25.494.171.886)
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	1.496.458.060.972	2.472.432.913.255
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	535.353.743	-
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	1.680.609.026.474	2.446.938.741.369


Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng



Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị: kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 53 công ty con và 34 công ty liên kết (1/1/2017: 54 công ty con và 34 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị	Tham chiếu
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	18	Xem Phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	35	Xem Phụ lục 2
	<hr/>	
	53	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.	34	Xem Phụ lục 3
	<hr/>	
	87	
	<hr/>	

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 41.267 nhân viên (1/1/2017: 36.904 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vẫn còn có ảnh hưởng đến kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCĐN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính, cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện việc (i) ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ; và (ii) trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán như sau:

- (i) Đối với khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải phân bổ vào chi phí trong năm 2016 ít nhất bằng chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017, số còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ cho những năm sau nhưng không quá 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021); và

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất, ngoại trừ một số chính sách kế toán được áp dụng trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán như được trình bày tại Thuyết minh 2(a).

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được caji là giao dịch vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh kinh doanh, ngoại trừ các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam được ghi nhận vào tài khoản chi phí trả trước dài hạn, như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất số lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn Dệt May Việt Nam tiếp tục phân bổ số lỗ còn lại theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh như theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, chi phí trả trước dài hạn và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ cùng giảm 13.631 triệu VND và chi phí tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm 1.515 triệu VND.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

(iv) Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị thị trường của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập, ngoại trừ trường hợp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a). Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với các đơn vị niêm yết trên thị trường chứng khoán có kết quả sản xuất kinh doanh bị lỗ, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo quy định hiện hành.

Nếu Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư như theo quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 Sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 trong kỳ phát sinh, chi phí tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 sẽ giảm 26.499 triệu VND.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn Dệt May Việt Nam khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và sản phẩm sản xuất dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn kiểm soát;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 10 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất; và
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 8 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Bất động sản đầu tư

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 10 – 50 năm
- hạ tầng khu công nghiệp 4 – 45 năm

(l) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(m) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(vi) Phụ tùng thay thế

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(viii) Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Như đã trình bày trong Thuyết minh 2(a), lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngoại trừ phần chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm 2016, được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm (từ năm 2017 đến năm 2021).

(ix) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng không quá 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được phân bổ.

(o) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(p) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(q) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

(r) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(t) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

(v) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(v) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(w) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(x) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(y) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Ngoài vấn đề được trình bày trong Thuyết minh 2(a) và Thuyết minh 27(a), Tập đoàn không có các khoản mục bất thường nào khác có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Trong kỳ, Tập đoàn tiến hành giải thể một công ty con là Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam. Việc giải thể công ty con này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	7.086.012.518.416	402.858.925.537	676.278.926.297	115.229.289.807	8.280.379.660.057
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.462.594.760.323	188.795.290.869	43.128.931.510	(1.694.518.982.702)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	8.548.607.278.739	591.654.216.406	719.407.857.807	(1.579.289.692.895)	8.280.379.660.057
Phần lãi trong công ty liên kết	268.170.942.413	11.164.943.997	6.626.190.287	-	285.962.076.697
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	189.207.928.517	(8.304.495.165)	16.556.542.608	156.919.454.850	354.379.430.810
Thu nhập khác	37.847.640.717	193.680.954	2.050.210.794	(9.184.688.066)	30.906.844.399
Chi phí khác	(40.321.999.565)	(4.544.465.622)	(565.490.944)	5.381.990.266	(40.049.965.865)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(20.724.921.956)	(295.521.423)	(6.979.911.989)	-	(28.000.355.368)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(46.218.806)	-	-	(13.752.063.311)	(13.798.282.117)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	165.962.428.907	(12.950.801.256)	11.061.350.469	139.364.693.739	303.437.671.859

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Tài sản của bộ phận	22.556.638.987.135	292.332.207.343	2.158.347.085.173	(6.252.395.456.513)	18.754.922.823.138
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.535.960.595.808	412.560.000	307.875.000	497.163.511.758	2.033.844.542.566
Tổng tài sản	24.092.599.582.943	292.744.767.343	2.158.654.960.173	(5.755.231.944.755)	20.788.767.365.704
Tổng nợ phải trả	13.450.472.530.341	1.335.052.837.492	1.667.190.741.227	(3.115.116.532.322)	13.337.599.576.738
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Chi tiêu vốn	776.279.861.700	722.141.639	95.063.680.247	(6.333.792.711)	865.731.890.875
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	318.405.480.899	967.740.391	32.535.917.248	(25.525.035.231)	326.384.103.307
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	4.589.621.357	-	-	-	4.589.621.357
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.274.078.720	-	44.145.226	-	2.318.223.946
Khấu hao bất động sản đầu tư	784.457.369	81.780.884	1.189.062.721	-	2.055.300.974

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	5.663.794.780.489	966.074.633.616	482.029.199.768	-	7.111.898.663.873
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	1.221.477.308.497	238.818.920.873	42.794.279.752	(1.503.090.509.122)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	6.885.272.088.986	1.204.893.604.489	524.823.479.520	(1.503.090.509.122)	7.111.898.663.873
Phần lãi trong công ty liên kết	256.638.687.209	675.439.750	(151.913.881)	-	257.162.263.078
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	330.498.671.302	(165.332.125.496)	40.317.038.066	104.715.065.280	310.198.649.152
Thu nhập khác	35.806.522.799	901.583.702	138.227.737	(4.191.656.987)	32.655.077.251
Chi phí khác	(15.770.744.259)	(670.849.844)	(590.097.833)	2.360.865.900	(14.670.826.036)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(23.609.309.171)	(230.665.983)	(1.222.473.831)	-	(25.062.448.985)
(Chi phí)/lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	(46.218.818)	-	-	4.749.932	(41.468.886)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	326.878.921.853	(165.331.647.621)	38.642.694.139	102.889.024.125	303.078.982.496

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may VND	Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2017					
Tài sản của bộ phận	21.189.022.784.889	311.650.238.461	2.677.447.566.562	(6.234.266.235.468)	17.943.854.354.444
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.536.176.143.382	412.560.000	307.875.000	313.672.362.635	1.850.568.941.017
Tổng tài sản	22.725.198.928.271	312.062.798.461	2.677.755.441.562	(5.920.593.872.833)	19.794.423.295.461
Tổng nợ phải trả	13.148.327.345.871	464.991.161.419	1.521.822.896.190	(2.935.188.642.059)	12.199.952.761.421
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Chi tiêu vốn	973.487.535.060	10.758.737.715	324.676.643.778	(108.533.368.517)	1.200.389.548.036
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	275.701.341.054	2.621.575.213	23.887.671.211	(3.585.717.089)	298.624.870.389
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	3.790.685.262	-	-	-	3.790.685.262
Khấu hao tài sản cố định vô hình	2.260.888.240	-	60.932.946	-	2.321.821.186
Khấu hao bất động sản đầu tư	782.690.225	63.761.700	2.766.891.630	-	3.613.343.555

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Tổng doanh thu của bộ phận	2.748.176.732.565	5.532.202.927.492	8.280.379.660.057
Kết quả kinh doanh của bộ phận	395.543.152.001	449.712.618.152	845.255.770.153
			<hr/>
Thu nhập không phân bổ			393.205.674.162
Chi phí không phân bổ			(884.082.013.505)
			<hr/>
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			354.379.430.810
			<hr/>
Thu nhập khác			30.906.844.399
Chi phí khác			(40.049.965.865)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(41.798.637.485)
			<hr/>
Lợi nhuận thuần sau thuế			303.437.671.859
			<hr/>
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Tài sản của bộ phận	902.355.612.195	1.539.075.536.616	2.441.431.148.811
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			18.347.336.216.893
			<hr/>
Tổng tài sản			20.788.767.365.704
			<hr/>
Nợ phải trả của bộ phận	859.019.582.336	452.905.361.048	1.311.924.943.384
Các khoản nợ không phân bổ			12.025.674.633.354
			<hr/>
Tổng nợ phải trả			13.337.599.576.738
			<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016			
Tổng doanh thu của bộ phận	2.351.887.192.220	4.760.011.471.653	7.111.898.663.873
Kết quả kinh doanh của bộ phận	408.207.228.265	415.721.673.656	823.928.901.921
<hr/>			
Thu nhập không phân bổ			406.645.037.156
Chi phí không phân bổ			(920.375.289.925)
<hr/>			
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh			310.198.649.152
<hr/>			
Thu nhập khác			32.655.077.251
Chi phí khác			(14.670.826.036)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(25.103.917.871)
<hr/>			
Lợi nhuận thuần sau thuế			303.078.982.496
<hr/>			
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Ngày 1 tháng 1 năm 2017			
Tài sản của bộ phận	867.718.840.314	1.366.078.438.506	2.233.797.278.820
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ			17.560.626.016.641
<hr/>			
Tổng tài sản			19.794.423.295.461
<hr/>			
Nợ phải trả của bộ phận	909.626.183.659	377.463.795.150	1.287.089.978.809
Các khoản nợ không phân bổ			10.912.862.782.612
<hr/>			
Tổng nợ phải trả			12.199.952.761.421
<hr/>			

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	15.054.760.699	13.010.408.309
Tiền gửi ngân hàng	371.614.111.006	419.371.120.367
Các khoản tương đương tiền	1.293.940.154.769	1.064.076.532.296
	<hr/>	<hr/>
	1.680.609.026.474	1.496.458.060.972
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 41.629 triệu VND (1/1/2017: 47.184 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 27(a)).

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm 100.000 triệu VND (1/1/2017: 115.113 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/6/2017				1/1/2017			
	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng giảm giá VND
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	10.995.285	74.767.938.000	80.375.533.350	-	10.995.285	74.767.938.000	48.269.301.150	-

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Căn cứ theo Công văn số 1510/VPCP-KTTH ngày 21 tháng 2 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ và Công văn số 2792/BTC-TCDN ngày 3 tháng 3 năm 2017 của Bộ Tài chính (Thuyết minh 2(a)), cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam không trích lập dự phòng giảm giá đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc Dân do ngân hàng này có kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi trong năm 2016.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	755.113.846.529	755.113.846.529	877.974.307.703	877.974.307.703
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	905.000.000	(*)	5.000.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 7,5% (1/1/2017: 4,5% đến 7,2%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2017				1/1/2017			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền hiệu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty May 10 - CTCP	35,51%	35,51%	59.609.794.011	(*)	35,51%	35,51%	63.035.518.965	(*)
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	366.035.454.606	(*)	31,92%	31,92%	337.701.471.152	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	197.349.413.139	(*)	46,93%	46,93%	180.739.319.036	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	28.024.890.503	(*)	27,00%	27,00%	25.689.104.936	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	88.580.289.018	(*)	27,69%	27,69%	80.331.834.379	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	44.794.928.426	(*)	36,79%	36,79%	36.000.844.299	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	95.723.356.386	(*)	35,01%	35,01%	83.176.678.571	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.438.283.818	(*)	30,00%	30,00%	85.438.283.818	(*)
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	13,73%	26,93%	46.388.806.722	(*)	13,73%	26,93%	46.379.699.622	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	35,65%	412.359.126.117	(*)	18,18%	35,65%	311.904.292.245	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	24,30%	44,02%	142.805.298.668	(*)	24,30%	44,02%	142.806.374.535	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			466.734.901.152	(*)			457.365.519.459	(*)
			2.033.844.542.566				1.850.568.941.017	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017			1/1/2017						
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (**)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	1.680.000.730	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	2.029.575.000
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			201.339.737.834	(20.458.272.603)	(*)			202.836.627.854	(15.430.394.173)	(*)
			<u>242.271.852.809</u>	<u>(20.458.272.603)</u>				<u>243.768.742.829</u>	<u>(15.430.394.173)</u>	

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(**) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường được xác định bằng cách thanh chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 282.016 triệu VND (1/1/2017: 305.053 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.850.568.941.017	1.648.681.034.451
Tăng trong kỳ	2.184.716.108	5.903.000.000
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	285.962.076.697	257.162.263.078
Cổ tức được chia	(104.186.621.710)	(17.371.547.133)
Thanh lý các công ty liên kết	-	(30.450.566.688)
Giảm do tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn tại Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến giảm	-	(57.480.402.274)
Tăng do hai công ty con cấp 2 chuyển thành công ty liên kết	-	14.663.877.953
Khác	(684.569.546)	(3.013.573.599)
Số dư cuối kỳ	2.033.844.542.566	1.818.094.085.788

11. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là bên liên quan (*)	262.464.932.846	269.720.105.352
Phải thu các khách hàng khác	2.064.257.625.044	1.964.077.173.468
	2.326.722.557.890	2.233.797.278.820

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số là 140.510 triệu VND (1/1/2017: 361.067 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là bên liên quan như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	85.479.993.814	83.849.547.695
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	68.141.231.132	67.867.311.724
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	58.907.229.145	49.096.825.798
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	44.731.638.317	58.111.684.580
Các công ty liên quan khác	5.204.840.438	10.794.695.555
	262.464.932.846	269.720.105.352

Khoản phải thu của khách hàng là bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Bên liên quan		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	163.300.000.000	166.800.000.000
▪ Các công ty liên quan khác	3.970.042.156	2.500.000.000
Bên thứ ba		
Các công ty khác	7.857.400.000	8.739.342.156
	175.127.442.156	178.039.342.156

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn đối với bên liên quan không có đảm bảo và hưởng lãi suất dao động từ 6,5% đến 10% (1/1/2017: từ 4% đến 17,2%) một năm.

13. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	6.123.199.277	6.032.299.277
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	123.589.566.650	292.306.644.002
Phải thu lãi cho vay	87.196.410.705	80.105.056.924
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	12.882.310.546	10.457.461.989
Phải thu các khoản tạm ứng	36.618.516.887	25.240.806.180
Phải thu người lao động	7.548.553.098	1.353.984.317
Ký cược, ký quỹ	38.907.346.536	65.843.706.569
Các khoản chi hộ	17.594.890.518	9.257.686.397
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	61.155.996.716	66.155.996.716
Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây –		
Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về		
các hợp đồng cho thuê tài sản	16.263.262.631	40.525.919.440
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu Công nghiệp		
Dệt May Phố Nối B	3.216.681.183	3.635.798.617
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ		
Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	1.230.945.774	28.579.063.361
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	11.065.456.171	9.142.331.171
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm đang chờ xử lý	3.000.718.763	15.500.718.763
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt		
May Nam Định	7.394.620.075	18.451.713.675
Phải thu khác	72.004.208.245	40.510.797.330
	529.335.234.865	736.642.535.818

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ bên liên quan như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	209.736.677.118	177.647.487.665
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	11.669.344.053	24.637.500.000
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	25.131.611.360	40.525.919.440
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	13.405.920.000	40.217.760.000
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	23.642.346	12.600.000.000
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	-	14.230.339.200
Công ty TNHH Coats Phong Phú	-	75.600.000.000
Các bên liên quan khác	27.941.750.000	31.186.931.587
	<hr/>	<hr/>
	287.908.944.877	416.645.937.892
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	415.827.400.052	401.868.488.835
Phải thu Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế về các hợp đồng cho thuê tài sản	341.014.888.359	320.069.471.852
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	119.322.594.796	119.322.594.796
Ký quỹ, ký cược dài hạn	45.056.341.432	46.171.520.256
Phải thu dài hạn khác	6.124.863.967	39.259.430.125
	927.346.088.606	926.691.505.864

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	127.243.931.844	113.285.020.627
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	25.102.773.208
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	415.827.400.052	401.868.488.835

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2017			Thời gian quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Từ 2 – 3 năm	36.119.572.750	(34.568.808.493)	1.550.764.257	Từ 2 – 3 năm	36.669.572.750	(29.330.536.774)	7.339.035.976
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Từ 2 - 3 năm	40.353.792.764	(39.976.906.135)	376.886.629	Từ 2 - 3 năm	40.393.792.764	(26.859.013.654)	13.534.779.110
Các khách hàng khác	Trên 6 tháng	287.534.292.481	(235.287.143.607)	52.247.148.874	Trên 6 tháng	253.089.723.934	(205.557.151.605)	47.532.572.329
		474.637.411.762	(420.462.612.002)	54.174.799.760		440.782.843.215	(372.376.455.800)	68.406.387.415
Nợ trong hạn nhưng khó có khả năng thu hồi								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-		119.322.594.796	(119.322.594.796)	-
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(420.462.612.002)				(372.376.455.800)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(119.322.594.796)				(119.322.594.796)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Hàng tồn kho**

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	122.097.576.949	(205.020.000)	173.171.827.659	(4.525.261.870)
Nguyên vật liệu	1.117.384.369.794	(13.619.560.902)	852.388.600.295	(15.796.640.938)
Công cụ và dụng cụ	14.759.797.431	-	13.449.707.512	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.222.267.090.093	(231.095.106)	1.248.097.045.251	(231.095.106)
Thành phẩm	1.035.295.814.702	(65.433.347.626)	864.119.068.667	(58.968.861.807)
Hàng hóa	45.871.262.394	(81.207.580)	66.760.443.029	(94.820.657)
Hàng gửi đi bán	73.940.800.925	-	68.600.558.027	-
	3.631.616.712.288	(79.570.231.214)	3.286.587.250.440	(79.616.680.378)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 584.806 triệu VND (1/1/2017: 634.020 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 87.923 triệu VND nguyên vật liệu, sản phẩm dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2017: 95.310 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	2.953.731.569.056	7.590.864.887.590	291.029.625.053	80.579.358.455	141.064.732.263	11.057.270.172.417
Tăng trong kỳ	25.227.376.013	40.650.812.471	20.501.613.485	1.853.035.000	1.579.943.068	89.812.780.037
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	209.551.925.236	493.883.514.261	9.336.382.442	834.977.536	-	713.606.799.475
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình cho thuê tài chính	-	41.489.143.522	-	-	-	41.489.143.522
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	(1.965.444.606)	-	-	-	(1.965.444.606)
Thanh lý	(1.176.829.787)	(99.193.632.954)	(4.712.469.042)	(61.706.700)	-	(105.144.638.483)
Phân loại lại	8.774.194.482	(15.880.191.871)	6.410.607.566	695.389.823	-	-
Số dư cuối kỳ	3.196.108.235.000	8.049.849.088.413	322.565.759.504	83.901.054.114	142.644.675.331	11.795.068.812.362
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	986.616.088.222	4.074.909.962.606	166.289.579.248	45.003.711.063	66.510.341.748	5.339.329.682.887
Khấu hao trong kỳ	69.702.177.475	231.583.646.694	13.913.528.275	3.234.082.431	7.950.668.432	326.384.103.307
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình cho thuê tài chính	-	11.159.724.381	-	-	-	11.159.724.381
Thanh lý	(497.881.697)	(94.559.055.245)	(4.257.725.045)	(61.706.700)	-	(99.376.368.687)
Phân loại lại	927.584.997	(970.037.382)	108.410.294	(65.957.909)	-	-
Số dư cuối kỳ	1.056.747.968.997	4.222.124.241.054	176.053.792.772	48.110.128.885	74.461.010.180	5.577.497.141.888
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.967.115.480.834	3.515.954.924.984	124.740.045.805	35.575.647.392	74.554.390.515	5.717.940.489.530
Số dư cuối kỳ	2.139.360.266.003	3.827.724.847.359	146.511.966.732	35.790.925.229	68.183.665.151	6.217.571.670.474

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 1.750.780 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.724.074 triệu VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 15.607 triệu VND (1/1/2017: 16.304 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 4.866.010 triệu VND (1/1/2017: 5.176.405 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	92.266.466.013
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(41.489.143.522)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	50.777.322.491
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	25.564.874.797
Khấu hao trong kỳ	4.589.621.357
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(11.159.724.381)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	18.994.771.773
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	66.701.591.216
Số dư cuối kỳ	31.782.550.718
	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	146.205.058.485	16.130.453.422	1.101.661.600	163.437.173.507
Tăng trong kỳ	-	105.931.360	-	105.931.360
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	75.111.500	-	75.111.500
Thanh lý	-	(76.000.000)	-	(76.000.000)
Số dư cuối kỳ	146.205.058.485	16.235.496.282	1.101.661.600	163.542.216.367
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	18.499.697.665	8.895.872.171	603.640.591	27.999.210.427
Khấu hao trong kỳ	1.306.901.429	995.796.351	15.526.166	2.318.223.946
Thanh lý	-	(76.000.000)	-	(76.000.000)
Số dư cuối kỳ	19.806.599.094	9.815.668.522	619.166.757	30.241.434.373
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	127.705.360.820	7.234.581.251	498.021.009	135.437.963.080
Số dư cuối kỳ	126.398.459.391	6.419.827.760	482.494.843	133.300.781.994

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, tài sản cố định vô hình có nguyên giá 1.239 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

19. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa VND	Vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	66.440.098.961	52.263.793.886	6.977.673.692	125.681.566.539
Tăng trong kỳ	26.075.069.988	836.781.818	-	26.911.851.806
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	232.344.229	-	232.344.229
Thanh lý	-	(248.867.118)	-	(248.867.118)
Phân loại lại	5.595.710.019	-	(5.595.710.019)	-
Số dư cuối kỳ	98.110.878.968	53.084.052.815	1.381.963.673	152.576.895.456
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	3.109.033.093	20.573.890.881	421.410.322	24.104.334.296
Khấu hao trong kỳ	1.189.062.721	797.070.711	69.167.542	2.055.300.974
Thanh lý	-	(248.867.118)	-	(248.867.118)
Số dư cuối kỳ	4.298.095.814	21.122.094.474	490.577.864	25.910.768.152
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	63.331.065.868	31.689.903.005	6.556.263.370	101.577.232.243
Số dư cuối kỳ	93.812.783.154	31.961.958.341	891.385.809	126.666.127.304

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc****ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho, nhà xưởng, và trạm biến áp tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và căn hộ chung cư New Town Số 69, Đường 18, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26 Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê chưa được xác định bởi vì không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

20. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.132.142.569.223	1.588.289.306.866
Tăng trong kỳ	701.630.667.439	869.437.933.575
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(713.606.799.475)	(686.535.726.426)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(75.111.500)	(1.720.182.000)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(232.344.229)	(117.815.857.897)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(20.663.605.527)	(22.833.735.607)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(2.315.397.539)
Thanh lý	(5.110.951.188)	-
Số dư cuối kỳ	1.094.084.424.743	1.626.506.340.972

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	22.955.681.473	21.985.386.962
• Nhà máy Sợi Phú Cường	21.333.632.652	20.766.833.497
• Nhà máy Sản xuất vải Yarn Dyed	93.136.669	13.410.122.957
• Nhà máy May Quảng Bình	14.806.400.493	5.557.770.050
• Nhà máy May Bạc Liêu	14.340.883.586	14.048.857.262
• Nhà máy May Tuyên Quang	166.304.010.955	29.215.075.863
• Dự án Khu liên hợp Sợi - Dệt - Nhuộm - May Quảng Nam	8.108.192.709	6.335.837.250
• Nhà máy May Cần Thơ	7.362.705.305	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
• Dự án Nhà máy May	4.568.981.559	5.062.909.771
• Văn phòng Ngô Thị Nhậm	30.533.924.271	27.816.556.643
• Nhà máy Sợi Hưng Yên	5.956.500.224	5.956.500.224
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
• Dự án nhà ở công nhân	-	3.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đắk Lắk	12.493.091.904	12.493.091.904
• Trang trại Ia Lốp - Đắk Lắk	-	5.026.951.188
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đông Văn	1.713.247.984	285.086.654.835
• Dự án mở rộng Nhà máy Sợi Đông Văn 2	17.481.332.138	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam - Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.584.226.193	27.524.726.193
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	2.130.803.996	69.725.226.915
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	26.885.784.768	18.329.264.068
• Xây dựng nhà máy sợi 3 - 12 Vạn cọc	8.437.277.171	6.689.758.596
• Dự án Nhà máy May Yên Bình	4.379.346.226	-
• Dự án cải tạo Nhà máy Sợi, Dệt, Dệt Khăn	10.827.056.786	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	56.937.619.455	54.262.685.562

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
▪ Công ty Cổ phần Sợi Thanh Châu Dệt Nam Định		
• Công trình đầu tư nhà xưởng máy se sợi	-	3.394.643.800
▪ Công ty Cổ phần Bông Việt Nam		
• Dự án công nghệ sinh học	2.238.168.619	2.238.168.619
▪ Công ty Sợi Thăng Bình		
• Xây dựng Nhà xưởng Sợi Thăng Bình	-	25.711.906.055
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy Sản xuất vải dệt kim	226.796.769.018	201.224.598.925
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
• Phân xưởng may	-	25.326.424.297
• Khuôn viên nhà số 14 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Lâm Đồng - Đà Lạt	14.399.125.921	6.270.858.448
• Dự án Khăn bông và Vải denim	225.742.853.234	125.185.301.630
• Dự án đầu tư khu du lịch nghỉ dưỡng Phong Phú - Lagi - Bình Thuận	3.578.792.139	3.547.525.252
• Máy móc, thiết bị	50.998.765.868	-
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex		
• Nhà cửa	6.281.513.126	6.281.513.126
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Mở rộng Nhà máy May Hòa Thọ 1 - giai đoạn 2	9.531.084.584	5.669.589.559
• Xây dựng và mở rộng Nhà điều hành - Văn phòng Tổng Công ty	17.369.820.199	482.634.744
▪ Các công trình khác	71.913.695.518	94.315.195.028
	1.094.084.424.743	1.132.142.569.223

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị ghi sổ của chi phí xây dựng cơ bản dở dang là 672.345 triệu VND (1/1/2017: 121.622 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong kỳ, chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang tương đương 4.580 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016: 17.099 triệu VND).

21. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trả trước phí bảo hiểm	1.861.875.299	1.279.408.117
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	15.543.358.843	9.755.193.289
Công cụ, dụng cụ	10.380.940.088	5.182.574.915
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	9.968.562.670	6.734.822.410
	37.754.736.900	22.951.998.731

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	6.159.321.109	214.276.191.086	30.924.259.249	114.922.868.675	1.957.631.413	16.777.302.347	20.139.974.440	15.146.064.363	54.140.018.980	474.443.631.662
Tăng trong kỳ	-	8.251.792.003	16.414.142	26.939.991.115	-	3.464.671.056	4.834.435.174	-	24.309.910.190	67.817.213.680
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản đỡ dạng	-	-	5.800.000.000	3.854.887.426	-	-	3.747.159.102	-	7.261.558.999	20.663.605.527
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	1.965.444.606	-	-	-	-	-	1.965.444.606
Phân bổ trong kỳ	(1.881.962.586)	(6.989.034.100)	(3.970.951.203)	(36.914.905.816)	(978.815.706)	(3.924.111.139)	(5.431.680.959)	(1.514.606.435)	(27.378.592.472)	(88.984.660.416)
Phân loại lại	(2.494.029.325)	(17.745.038.152)	20.239.067.477	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.783.329.198	197.793.910.837	53.008.789.665	110.768.286.006	978.815.707	16.317.862.264	23.289.887.757	13.631.457.928	58.332.895.697	475.905.235.059

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, chi phí trả trước dài hạn có giá trị còn lại là 41.791 triệu VND (1/1/2017: 34.347 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	2.091.913.961	2.757.493.791
Các khoản mục khác	20%	5.931.112.838	4.950.207.304
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		8.023.026.799	7.707.701.095
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	79.010.594.540	64.896.986.719
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		79.010.594.540	64.896.986.719

23. Lợi thế thương mại

	VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	76.981.960.516
Giảm khác	(742.822.169)
Số dư cuối kỳ	76.239.138.347
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	46.425.052.269
Khấu hao trong kỳ	8.659.565.441
Giảm khác	(742.822.169)
Số dư cuối kỳ	54.341.795.541
Giá trị ghi sổ	
Số dư đầu kỳ	30.556.908.247
Số dư cuối kỳ	21.897.342.806

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Phải trả người bán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
▪ Phải trả người bán là bên liên quan (*)	56.554.300.854	83.125.034.565
▪ Phải trả người bán khác	1.124.742.444.803	1.188.044.206.083
	<u>1.181.296.745.657</u>	<u>1.271.169.240.648</u>
Phải trả người bán dài hạn		
▪ Phải trả người bán khác	15.682.008.795	15.920.738.161

(*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là bên liên quan như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Coats Phong Phú	32.935.417.692	34.703.399.592
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	8.885.272.443	8.109.361.341
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	8.605.039.225	8.657.272.681
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế	4.779.051.314	24.801.868.113
Các công ty liên quan khác	1.349.520.180	6.853.132.838
	<u>56.554.300.854</u>	<u>83.125.034.565</u>

Khoản phải trả thương mại đối với bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong kỳ VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.125.573.015	1.620.962.532	(775.397.025)	5.971.138.522
Thuế xuất nhập khẩu	26.983.886.463	493.330.851	(21.375.787.345)	6.101.429.969
Thuế nhà đất	1.031.041.000	1.517.845.593	(1.031.041.000)	1.517.845.593
Các loại thuế khác	751.230.670	937.659.738	(728.685.683)	960.204.725
Các khoản khác				
Các khoản khác	641.433.243	14.836.767	(52.972.273)	603.297.737
	34.533.164.391	4.584.635.481	(23.963.883.326)	15.153.916.546

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/ bù trừ trong kỳ VND	30/6/2017 VND
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	20.214.595.976	300.814.984.770	(300.968.696.635)	20.060.884.111
Thuế xuất nhập khẩu	151.520.315	3.021.315.946	(3.128.743.492)	44.092.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp	32.317.201.226	28.000.355.368	(42.543.607.647)	17.773.948.947
Thuế thu nhập cá nhân	8.542.760.598	14.715.006.649	(20.420.971.676)	2.836.795.571
Thuế tài nguyên	138.855.743	835.346.879	(855.614.044)	118.588.578
Thuế nhà đất	13.758.795.648	15.478.748.930	(15.317.027.275)	13.920.517.303
Tiền thuế đất	14.997.826.344	34.345.007.025	(32.562.314.324)	16.780.519.045
Các loại thuế khác	3.727.403.300	3.303.965.071	(7.030.343.445)	1.024.926
Các khoản phải nộp khác				
Các khoản khác	-	758.377.773	(300.000.000)	458.377.773
	93.848.959.150	401.273.108.411	(423.127.318.538)	71.994.749.023

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí lãi vay	32.054.592.999	27.766.686.948
Chi phí hoạt động	14.775.328.748	17.765.749.384
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	85.402.420.896	95.747.115.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	8.497.818.417	4.486.961.870
Chi phí cải tạo, sửa chữa	13.282.451.808	15.732.755.545
Chi phí gia công thuê ngoài	1.686.714.893	958.232.913
Phí hoa hồng	3.526.532.573	4.007.649.398
Chi phí phải trả khác	13.676.988.210	8.235.381.589
	<hr/>	<hr/>
	172.902.848.544	174.700.533.078
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	173.851.520.544	175.649.205.078

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	26.562.816.000	27.511.488.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	25.614.144.000	26.562.816.000

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	44.066.453.788	27.880.058.887
Phải trả về cổ phần hóa	6.523.817.946	7.677.704.301
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	311.713.118	297.418.118
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	19.450.949.835	18.936.155.635
Phải trả lãi vay khác	20.555.250.706	46.798.726.172
Phải trả cổ tức	293.571.483.605	14.730.104.706
Quỹ từ thiện	6.949.803.663	8.017.371.663
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN	41.629.324.063	47.184.176.063
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	1.288.427.182	14.854.155.199
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	363.057.205.021	364.061.259.133
Các khoản phải trả khác	65.294.216.605	54.016.898.746
	<hr/>	<hr/>
	862.698.645.532	604.454.028.623

- (*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần theo Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”). Theo Công văn 17623, Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp số tiền này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần (trước ngày 31 tháng 5 năm 2016).

Ngày 27 tháng 4 năm 2016, Tập đoàn đã gửi Công văn số 433/TĐDMVN-TCKT lên Thủ tướng Chính phủ trình bày một số vướng mắc mà Tập đoàn gặp phải trong cách thức định giá lại các khoản đầu tư như theo các văn bản hướng dẫn có liên quan, đồng thời đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét cho phép Tập đoàn Dệt May Việt Nam được chậm nộp số tiền nói trên đến khi Tập đoàn bán khoản đầu tư hoặc khi các đơn vị nhận đầu tư phân chia cổ tức cho các cổ đông từ khoản thặng dư đã được dùng để định giá lại các khoản đầu tư, nhưng tối đa không quá 5 năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**

ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Xét đề nghị của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, ngày 7 tháng 6 năm 2016, Văn phòng Chính phủ đã ban hành Công văn số 4424/VPCP-ĐMDN giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Công thương và Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện tính toán để xác định chính xác khoản chênh lệch do định giá lại các khoản đầu tư tài chính, trên cơ sở đó xác định số tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải nộp. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Bộ Tài chính và Bộ Công thương đang tiến hành làm việc với Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ. Giá trị được định giá lại của các khoản đầu tư cũng như khoản phải nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp và thời hạn phải nộp, do đó, có thể thay đổi và phụ thuộc vào kết quả làm việc của Bộ Tài chính và Bộ Công thương.

(b) Phải trả dài hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	45.037.427.000
Nhận góp vốn dài hạn	6.826.000.000	6.826.000.000
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	75.858.542.054	74.882.125.734
Các khoản phải trả dài hạn khác	6.933.296.552	12.053.540.073
	<hr/>	<hr/>
	134.655.265.606	138.799.092.807
	<hr/>	<hr/>

(*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại số 67 Phố Ngõ Thị Nhậm, Thành phố Hà Nội. Tại ngày báo cáo, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

28. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Doanh thu nhận trước	173.977.112.547	140.636.004.076
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(5.547.782.567)	-
	<hr/>	<hr/>
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	168.429.329.980	140.636.004.076
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.647.654.510.231	3.647.654.510.231	7.278.467.989.691	(6.345.949.780.347)	4.580.172.719.575	4.580.172.719.575
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 29(b)(i))	354.220.229.861	354.220.229.861	103.407.451.471	(218.107.207.405)	239.520.473.927	239.520.473.927
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	18.840.411.034	18.840.411.034	3.103.961.528	(10.784.601.171)	11.159.771.391	11.159.771.391
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	880.410.000	880.410.000	440.205.000	(880.410.000)	440.205.000	440.205.000
	4.021.595.561.126	4.021.595.561.126	7.385.419.607.690	(6.575.721.998.923)	4.831.293.169.893	4.831.293.169.893

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, trong khoản vay ngắn hạn có 1.449.105 triệu VND (1/1/2017: 1.746.676 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tổng cộng là 1.407.823 triệu VND (1/1/2017: 1.836.413 triệu VND). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 1,4% đến 9% (1/1/2017: từ 1,2% đến 10%) một năm.

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,4% đến 8,5% (1/1/2017: từ 1,3% đến 10%) một năm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay dài hạn (i)	5.032.335.726.250	4.847.230.336.931
Trái phiếu thường (ii)	314.000.000.000	314.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	17.036.636.816	29.856.241.569
Nợ dài hạn khác	440.205.000	880.410.000
	<hr/> 5.363.812.568.066	<hr/> 5.191.966.988.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(251.120.450.318)	(373.941.050.895)
	<hr/> 5.112.692.117.748	<hr/> 4.818.025.937.605

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, trong khoản vay dài hạn có 4.830.152 triệu VND (1/1/2017: 4.761.114 triệu VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, xây dựng cơ bản dở dang và chi phí trả trước dài hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 5.279.655 triệu VND (1/1/2017: 4.911.214 triệu VND). Các khoản vay này chịu lãi suất từ 2,1% đến 11% (1/1/2017: 2% đến 11%) một năm.

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 2,4% đến 10% (1/1/2017: 3% đến 11%) một năm.

Trong khoản vay dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ là 1.440.229 triệu VND (1/1/2017: 1.422.739 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính. Theo đó, hàng năm, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cần lập báo cáo tài chính của dự án được tài trợ bởi khoản vay này và báo cáo về tình hình tuân thủ với các điều khoản của các Hiệp định vay có liên quan. Các báo cáo này cần được kiểm toán và soát xét bởi một đơn vị kiểm toán độc lập.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Trái phiếu thường

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	314.000.000.000	314.000.000.000
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				314.000.000.000	314.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 164.403 triệu VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 164.403 triệu VND). Theo các điều khoản của trái phiếu đã phát hành, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể thỏa thuận với các nhà đầu tư để mua lại các trái phiếu này trước ngày đáo hạn.

30. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng trong kỳ như sau:

	Chi phí di dời VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	89.675.918.318	-	89.675.918.318
Dự phòng trích lập trong kỳ	-	4.178.944.698	4.178.944.698
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(9.071.100)	-	(9.071.100)
Số dư cuối kỳ	89.666.847.218	4.178.944.698	93.845.791.916

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***31. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	139.521.407.812	133.278.587.996
Trích lập trong kỳ	77.143.007.237	55.370.803.450
Sử dụng trong kỳ	(36.636.556.916)	(38.280.860.806)
Các biến động khác	121.182.890	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	180.149.041.023	150.368.530.640

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí và các quỹ khác VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(748.765.581.042)	421.021.002.398	10.944.352.367	563.486.264.926	497.352.336.562	1.475.284.041.971	7.291.482.698.813	41.428.623.435	7.332.911.322.248
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	27.471.554.000	27.471.554.000	-	27.471.554.000
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	54.496.650.079	-	54.496.650.079	433.456.788	54.930.106.867
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	157.498.096.453	-	145.580.886.043	303.078.982.496	-	303.078.982.496
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	38.059.424.067	140.656.157	(75.165.690.312)	-	(18.405.193.362)	(55.370.803.450)	-	(55.370.803.450)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(51.681.732)	-	-	(122.318.268)	(174.000.000)	(1.906.792.534)	(2.080.792.534)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(2.000.000.000)	-	(131.634.493.926)	(381.634.493.926)	-	(381.634.493.926)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	4.435.542.470	4.435.542.470	-	4.435.542.470
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị khoản đầu tư của công ty con cấp 1 khi mua công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	(4.355.745.816)	(4.355.745.816)	-	(4.355.745.816)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(16.632.962.402)	(16.632.962.402)	-	(16.632.962.402)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn thay đổi tỷ lệ lợi ích tại các công ty con mà không làm thay đổi quyền kiểm soát với các công ty con này	-	-	-	-	-	-	(11.147.791.243)	-	61.947.791.243	50.800.000.000	-	50.800.000.000
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	(17.044.601)	4.870.800.000	(101.839.593)	-	87.812.451	(176.057.300)	1.437.126.888	6.100.797.845	-	6.100.797.845
Số dư tại ngày 30/6/2016	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.231.586.138	(743.894.781.042)	458.978.586.872	11.033.326.792	384.758.692.275	551.672.929.341	1.545.006.228.841	7.279.698.220.109	39.955.287.689	7.319.653.507.798
Số dư tại ngày 1/1/2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	457.818.876.459	10.981.645.059	555.190.797.152	553.877.792.360	1.651.984.049.504	7.559.178.352.429	35.292.181.611	7.594.470.534.040
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	21.126.046.343	21.126.046.343	-	21.126.046.343
Nguồn kinh phí nhận từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	401.000.000	401.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	160.674.759.600	-	142.762.912.259	303.437.671.859	-	303.437.671.859
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	41.791.187.205	10.363.465	(41.894.550.670)	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(49.737.007.640)	-	(27.405.999.597)	(77.143.007.237)	-	(77.143.007.237)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	(5.681.732)	-	-	(122.318.268)	(174.000.000)	(1.309.434.293)	(1.483.434.293)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	-	(141.893.683.389)	(391.893.683.389)	-	(391.893.683.389)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	714.117.568	-	(3.418.995.675)	(530.638.540)	5.389.969.633	2.154.452.986	98.208.657	2.252.661.643
Số dư tại ngày 30/6/2017	5.000.000.000.000	29.911.650.892	42.248.630.739	(742.835.089.736)	500.324.181.232	11.033.326.792	370.815.002.767	553.347.153.820	1.651.840.976.485	7.416.685.832.991	34.481.955.975	7.451.167.788.966

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phân ảnh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	Số cổ phiếu	VND	%
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam (*)	70.000.000	700.000.000.000	14,00%
Tập đoàn Vingroup - CTCP (*)	50.000.000	500.000.000.000	10,00%
Ông Bùi Mạnh Hưng	30.000.000	300.000.000.000	6,00%
Các cổ đông khác	82.561.900	825.619.000.000	16,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

(*) Đây là các cổ đông chiến lược của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, cổ đông chiến lược không được chuyển nhượng số cổ phần mua trong thời hạn tối thiểu 5 năm kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Trong trường hợp đặc biệt cổ đông chiến lược cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn trên thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 29 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2016 là 250.000 triệu VND (tỷ lệ 5% trên mệnh giá) (2016: 250.000 triệu VND).

35. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

36. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguồn chuyển mục đích sử dụng đất		
▪ Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	235.664.195.144	235.664.195.144
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	170.496.650.079	170.496.650.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	136.932.000.000	136.932.000.000
Nguồn khác	10.254.308.597	10.784.947.137
	<hr/>	<hr/>
	553.347.153.820	553.877.792.360

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản từ nguồn chuyển mục đích sử dụng đất được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước. Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, nguồn vốn này sẽ được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn mà không cần Đại hội đồng Cổ đông thông qua khi các dự án đầu tư hoàn thành và được quyết toán.

Trong năm 2016, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1 và Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	15.681.370.720	22.242.289.646
Trong vòng hai đến năm năm	52.239.159.706	41.126.582.727
Sau năm năm	108.674.923.636	97.601.917.099
	<hr/>	<hr/>
	176.595.454.062	160.970.789.472
	<hr/>	<hr/>

(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	160.639.687.373	139.477.888.472
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	279.345.630	512.117.980
	<hr/>	<hr/>
	160.919.033.003	139.990.006.452
	<hr/>	<hr/>

(c) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	9.398.859	212.277.117.203	8.503.698	192.532.552.307
EUR	2.018	51.365.478	2.040	48.660.383
		<hr/>		<hr/>
		212.328.482.681		192.581.212.690
		<hr/>		<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			12.875.760.918	12.875.760.918
			23.289.932.361	23.289.932.361

(e) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	793.322.685.909	900.628.660.014
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	84.863.073.261	172.917.602.652
		1.073.546.262.666
		878.185.759.170

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	7.985.257.683.527	6.993.059.931.166
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	190.380.827.798	106.691.363.888
▪ Bán và cho thuê bất động sản	115.976.818.221	23.751.338.138
	<hr/>	<hr/>
	8.291.615.329.546	7.123.502.633.192
	<hr/>	<hr/>
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(8.996.235.912)	(9.090.860.370)
▪ Giảm giá hàng bán	(1.197.077.108)	(255.519.587)
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.042.356.469)	(2.257.589.362)
	<hr/>	<hr/>
	(11.235.669.489)	(11.603.969.319)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	8.280.379.660.057	7.111.898.663.873

39. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm và hàng hóa đã bán	7.243.764.821.493	6.241.802.464.254
▪ Dịch vụ đã cung ứng	142.744.944.621	37.621.734.301
▪ Bán và cho thuê bất động sản	47.631.921.776	8.108.686.503
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	982.202.014	436.876.894
	<hr/>	<hr/>
	7.435.123.889.904	6.287.969.761.952

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	57.639.950.050	60.693.023.327
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.843.606.080
Lãi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	7.997.057.091
Cổ tức được chia	14.672.589.016	31.989.422.660
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	30.057.911.292	28.848.776.500
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.743.084.984	14.057.767.610
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.130.062.123	4.053.120.810
	107.243.597.465	149.482.774.078

41. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	178.699.657.976	175.604.847.256
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	9.279.171.625
Lỗ do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty liên kết	-	57.480.402.274
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	18.664.526.978	16.697.128.442
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.402.068.534	5.596.660.491
Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	5.027.878.430	796.821.808
Chi phí tài chính khác	972.018.046	1.551.891.855
	207.766.149.964	267.006.923.751

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	26.496.193.981	24.049.274.816
Chi phí công cụ và dụng cụ	4.488.575.208	5.177.532.231
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.134.333.192	291.397.513
Chi phí vận chuyển	56.574.990.286	47.048.597.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	113.286.671.806	88.534.153.504
Chi phí bao bì	16.711.016.276	22.210.793.973
Chi phí hoa hồng	8.759.985.821	5.478.022.370
Chi phí xuất nhập khẩu	1.255.711.642	1.787.733.435
Chi phí bán hàng khác	19.984.885.980	27.030.379.836
	<hr/>	<hr/>
	248.692.364.192	221.607.885.527
	<hr/>	<hr/>

43. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên văn phòng	188.416.404.591	187.748.029.063
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	9.729.026.449	12.513.563.785
Chi phí khấu hao và phân bổ	23.080.350.506	28.029.089.083
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	48.086.156.202	46.098.545.977
Thuế, phí và lệ phí	19.930.048.157	21.715.410.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.424.708.955	66.477.915.877
Tiền thuê đất	12.139.512.784	12.619.711.178
Công tác phí	4.588.868.723	6.634.119.805
Chi phí tiếp khách	10.054.501.900	13.429.351.576
Chi phí đào tạo	3.253.548.806	4.088.865.938
Trợ cấp mất việc	2.231.836.800	1.874.247.808
Chi phí khác	41.688.535.476	30.531.630.387
	<hr/>	<hr/>
	427.623.499.349	431.760.480.647
	<hr/>	<hr/>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	7.464.226.235	18.578.595.770
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	1.793.824.048	176.433.048
Bán phế liệu	451.364.975	567.875.509
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	3.755.256.686	1.404.424.777
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	1.959.490.760	3.017.260.000
Thu từ các khoản khác	15.482.681.695	8.910.488.147
	30.906.844.399	32.655.077.251

45. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lỗ do thanh lý, xóa sổ tài sản cố định	9.431.584.620	6.384.606.168
Phạt vi phạm thuế	1.260.961.366	281.009.376
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	3.149.112.139	537.935.810
Tiền thuê đất nộp bổ sung	15.870.075.901	-
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	3.292.333.434	3.149.088.834
Chi các khoản khác	7.045.898.405	4.318.185.848
	40.049.965.865	14.670.826.036

46. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.295.299.994.067	4.062.907.557.093
Chi phí nhân viên	1.443.118.068.278	1.357.680.913.236
Chi phí khấu hao	351.974.664.831	317.317.640.910
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.235.626.311.442	1.006.266.225.739
Chi phí khác	259.563.303.266	247.867.715.680

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

47. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	28.000.355.368	25.018.479.861
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	43.969.124
	<hr/>	<hr/>
	28.000.355.368	25.062.448.985
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	13.798.282.117	41.468.886
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	41.798.637.485	25.103.917.871

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	345.236.309.344	328.182.900.367
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	69.047.261.869	65.636.580.073
Ưu đãi thuế	(1.004.218.892)	(1.749.535.863)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(3.534.154.554)	(3.871.193.726)
Chi phí không được khấu trừ thuế	15.861.089.916	13.568.278.850
Thu nhập không bị tính thuế	(60.126.933.143)	(57.830.337.148)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(256.906.118)	(7.130.376.024)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	21.812.498.407	16.436.532.585
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	43.969.124
	<hr/>	<hr/>
	41.798.637.485	25.103.917.871

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, từ năm 2016, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***48. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	160.674.759.600	157.498.096.453
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ	500.000.000	500.000.000
	321	315

(*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn chưa trừ số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

49. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</i> Cổ tức năm 2014	-	4.870.800.000
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Mua hàng hóa và dịch vụ	48.069.887.795	61.366.515.950
Bán hàng hóa	150.615.027.288	148.372.345.354
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú		
Bán hàng hóa	86.021.073.743	29.177.724.503
Thu nhập lãi cho vay	9.439.806.655	3.147.841.666
Lợi nhuận tạm ứng từ hợp đồng hợp tác kinh doanh	12.795.694.444	36.846.527.777
Cho vay	-	63.000.000.000
Nhận hoàn trả khoản cho vay	3.500.000.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.646.737.689	13.935.182.219
Mua hàng hóa và dịch vụ	22.380.041	7.328.601.001
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	8.681.519.349	3.133.415.859
Tổng Công ty May 10 - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	136.363.636	2.479.754.424
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.949.261.825	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	695.325.000	803.000.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.922.247.600	-
Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	12.816.470.001	2.985.847.483
Mua hàng hóa và dịch vụ	31.591.490.275	21.171.714.200
Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.026.044.036	509.354.973
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	743.589.696
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài 2		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	1.414.145.166
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	13.324.101
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Chi phí lãi vay	-	166.873.409
Công ty Cổ phần Dệt Quảng Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	81.606.805.190
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	158.919.152.610
Cổ tức	-	3.600.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	774.881.728
Công ty Cổ phần May Gia Phúc		
Bán hàng hóa và dịch vụ	2.158.419.230	2.855.469.920
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và		
Đầu tư Phong Phú		
Bán hàng hóa và dịch vụ	18.999.735.905	17.749.411.473
Mua hàng hóa	429.815.272	650.157.254

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư		
Chi phí lãi vay	-	6.284.027.029
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Mua hàng hóa	7.937.724.797	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.800.000	-
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế		
Mua hàng hóa	7.396.471.152	-
Bán hàng hóa và dịch vụ	28.856.706.232	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và dịch vụ	159.558.740	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	37.364.953.606	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoo - Thủ Đức		
Cung cấp dịch vụ	248.981.280	-
Lãi vay	121.923.612	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Bán hàng hóa và dịch vụ	5.072.806.508	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát		
Thù lao đã trả	3.014.738.418	2.955.774.000

50. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lãi vay nhập gốc	15.750.312.180	-
Tăng chênh lệch đánh giá lại tài sản do được chia cổ tức liên quan đến giai đoạn trước cổ phần hóa	-	4.870.800.000

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

51. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Cổ đông chiến lược thoái vốn

Ngày 10 tháng 3 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCD chấp thuận cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Việt Nam được chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu trước thời hạn. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Nam đang thực hiện các thủ tục cần thiết để chuyển nhượng cổ phần theo đúng các quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Trần Thị Thu Hằng
Phó Ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân
Kế toán trưởng

Người duyệt: 100008 - C.T.C.P

Lê Tiên Trường
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
1	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
3	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	80,95%	80,95%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
4	Công ty CP Sợi Phú Bài	66,51%	66,51%	26.922.700.000	26.922.700.000	11.081.560.000	11.081.560.000
5	Công ty CP Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
6	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ	64,96%	64,96%	107.424.820.000	107.424.820.000	-	-
7	Công ty CP Len Việt Nam	68,77%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
8	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt May Huế	63,90%	63,90%	63.898.240.000	63.898.240.000	-	-
10	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
11	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
12	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
13	Tổng Công ty CP Phong Phú	51,00%	51,00%	374.087.960.000	374.087.960.000	-	-
14	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	462.017.209.402	462.017.209.402	-	-
15	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	202.568.027.281	202.568.027.281	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ	49,94%	49,94%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam	20,88%	20,88%	32,14%	32,14%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
3	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	35,19%	35,19%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
4	Công ty CP May Hòa Thọ - Duy Xuyên	53,09%	53,09%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
5	Công ty TNHH MTV Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	64,96%	64,96%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
6	Công ty CP May Hiệp Đức	44,50%	44,50%	68,50%	68,50%	13.700.000.000	13.700.000.000	-	-
7	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình	35,22%	35,22%	51,00%	51,00%	26.520.000.000	26.520.000.000	5.200.000.000	5.200.000.000
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định									
8	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
9	Công ty CP Chăn Len Nam Định	47,11%	47,11%	87,78%	87,78%	10.513.260.000	10.513.260.000	-	-
10	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	28,69%	28,69%	53,46%	53,46%	4.009.500.000	4.009.500.000	-	-
11	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	46,34%	46,34%	86,34%	86,34%	4.317.000.000	4.317.000.000	-	-
12	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	48,78%	48,78%	90,88%	90,88%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
13	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	47,77%	47,77%	89,00%	89,00%	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-
14	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	42,22%	42,22%	78,65%	78,65%	4.326.000.000	4.326.000.000	-	-

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam									
15	Công ty CP Bông Tây Nguyên	29,80%	29,80%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
16	Công ty CP Bông Vải Miền Trung	42,91%	42,91%	49,81%	49,81%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
17	Công ty CP Giống cây trồng Nha Hồ	29,70%	29,70%	54,00%	54,00%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
Công ty con của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex									
18	Công ty CP May Nam An	32,81%	32,81%	64,33%	64,33%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
19	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	38,25%	38,25%	75,00%	75,00%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
20	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà	51,00%	51,00%	100,00%	100,00%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
21	Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn	51,00%	51,00%	100%	100%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú									
22	Công ty CP Dệt Đông Nam	31,10%	31,10%	60,99%	60,99%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-
23	Công ty CP Dệt May Nha Trang	26,50%	26,50%	51,97%	51,97%	96.143.750.000	96.143.750.000	-	-
24	Công ty CP Đầu tư Khánh Phú	18,17%	18,17%	35,63%	35,63%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-
25	Công ty Thương mại và Sản xuất Phú Trà	30,98%	30,98%	60,74%	60,74%	23.091.000.000	23.091.000.000	-	-
26	Công ty TNHH Linen Supply	30,60%	30,60%	60,00%	60,00%	19.098.000.000	19.098.000.000	-	-
27	Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	36,21%	36,21%	71%	71%	63.900.000.000	63.900.000.000	-	-
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
28	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%	173.199.296.963	173.199.296.963	-	-
29	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
30	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	68,86%	68,86%	68,86%	68,86%	37.200.000.000	37.200.000.000	-	-

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo mệnh giá và giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
Công ty con của Công ty TNHH MTV Dệt 8 – 3									
1	Công ty CP Dệt kim Vinatex	83,46%	83,46%	60,51%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000
Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội									
2	Cty CP Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
3	Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan	43,70%	43,70%	75,90%	75,90%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
4	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-
5	Công ty CP May Halotexco	44,62%	44,62%	53,64%	53,64%	1.877.500.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
6	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	50,00%	50,00%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
7	Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex	57,57%	57,57%	100%	100%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
8	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
9	Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam (i)	-	30,65%	-	100%	-	12.000.000.000	-	-

(i) Công ty này đã giải thể trong kỳ.

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	27,69%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	36,79%	36,79%	22.740.680.000	22.740.680.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	35,01%	47.434.460.000	47.434.460.000
4	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	25,00%	9.450.000.000	9.450.000.000
5	Công ty CP May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	27.508.330.000	27.508.330.000
6	Công ty CP May Đồng Nai	25,65%	25,65%	15.331.680.000	15.331.680.000
7	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	35,00%	10.143.000.000	10.143.000.000
8	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	21,99%	6.120.000.000	6.120.000.000
9	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	30,00%	9.000.000.000	9.000.000.000
10	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	12.621.000.000	12.621.000.000
11	Công ty CP May Nam Định	30,00%	30,00%	3.600.000.000	3.600.000.000
12	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	44,00%	3.564.000.000	3.564.000.000
13	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
14	Tổng Công ty CP May Việt Tiến	30,40%	31,92%	134.059.200.000	134.059.200.000
15	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
16	Tổng Công ty May 10 - CTCP	35,51%	35,51%	63.921.240.000	63.921.240.000
17	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.346.535.875	85.346.535.875
18	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	30,77%	95.877.720.000	95.877.720.000
19	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	29.700.000.000	29.700.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định					
20	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	22,45%	2.007.500.000	2.007.500.000
21	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	49,92%	49,92%	31.100.000.000	31.100.000.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội					
22	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	16,68%	1.159.000.000	1.159.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài					
23	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,89%	31,89%	24.000.000.000	24.000.000.000
Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam					
24	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh	17,69%	17,69%	8.500.000.000	8.500.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú					
25	Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	18,18%	106.691.335.644	106.691.335.644
26	Công ty CP đầu tư phát triển Phong Phú	13,73%	13,73%	50.000.000.000	50.000.000.000
27	Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,97%	10,97%	10.000.000.000	10.000.000.000
28	Công ty CP May Đà Lạt	20,40%	20,40%	4.231.000.000	4.231.000.000
29	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	17,85%	17,85%	3.500.000.000	3.500.000.000
30	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewoon - Thủ Đức	24,30%	24,30%	144.586.200.608	144.586.200.608
31	Công ty CP Phát triển Phong Phú Lãng Cô	19,59%	19,59%	7.299.000.000	7.299.000.000
32	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	24,22%	24,22%	8.011.203.600	8.011.203.600
33	Công ty CP May Gia Phúc	12,75%	12,75%	5.000.000.000	5.000.000.000
34	Công ty CP Đầu tư Phong Vân	24,40%	24,40%	18.994.120.000	18.994.120.000

